

Bản án số: 372/2021/HS-PT
Ngày 10 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyền;
Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh H, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 334/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HSST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn A, sinh ngày 07 tháng 11 năm 1965 tại huyện Z, tỉnh H. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Y, huyện Z, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn X và bà Dương Thị Y; có vợ là Nguyễn Thị A1 và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật, tại Quyết định số: 10/QĐ-XPHC ngày 13-10-2020, bị cáo bị Phòng PC04 Công an tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi Sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép (hành vi xảy ra trong cùng vụ án). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02-3-2020, tạm giam từ ngày 11-3-2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn A: Luật sư Nguyễn T, Đoàn luật sư tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn B, sinh ngày 27 tháng 8 năm 1989 tại huyện D, tỉnh D. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Đội 5, xã T, huyện D, tỉnh D; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10-12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Lò Thị Đ; có vợ là

Nguyễn Thị B1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 06-3-2020, tạm giam từ ngày 09-3-2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B: Luật sư Đặng Văn C, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1965. Trú tại: Thôn L, xã Y, huyện Z, tỉnh H. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1992. Trú tại: Đội 5, xã T, huyện D, tỉnh D. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2017, Nguyễn Văn A sang làng Đông Mẩn, huyện Ninh Minh thuộc khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc làm thuê nên quen biết một người Trung Quốc tên Teng Leng, nhưng không biết rõ tên thật, địa chỉ cụ thể của người này. Teng Leng đặt vấn đề với Nguyễn Văn A về Việt Nam tìm nguồn ma túy (Heroine) mang sang Trung Quốc bán cho Teng Leng, Nguyễn Văn A đồng ý và hai bên trao đổi số điện thoại với nhau. Tháng 01-2018, Nguyễn Văn A trở về nhà ở xã Y, huyện Z, tỉnh H. Đến khoảng tháng 6 năm 2019, A khai có người đến nhà A bán hoa tam thất, nói tên là B ở D (Sau này A mới biết người này tên là Nguyễn Văn B, ở xã T, huyện D, tỉnh D). B nói là có nguồn ma túy để bán và bảo Nguyễn Văn A sang Trung Quốc tìm người mua. Nguyễn Văn A nói cho Nguyễn Văn B về Teng Leng và nhận sẽ liên lạc lại, nếu Teng Leng còn mua ma túy thì sẽ trao đổi với Nguyễn Văn B để lấy ma túy mang sang Trung Quốc bán. Nguyễn Văn B cho Nguyễn Văn A số điện thoại XXXXX0643 để liên lạc với B.

Nguyễn Văn A gọi điện thoại và được Teng Leng đồng ý mua một bánh ma túy Heroine tại Trung Quốc với giá là 222.000.000 đồng. Nguyễn Văn A gọi điện và Nguyễn Văn B đồng ý hẹn lúc nào có ma túy sẽ liên lạc mang ma túy giao cho Nguyễn Văn A để A mang sang Trung Quốc bán. Sau đó Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B đã thực A hành vi mua bán trái phép chất ma túy như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 8 năm 2019, Nguyễn Văn B gọi điện thoại thông báo có 01 bánh ma túy Heroine, sẽ cho người mang đến H và gọi điện cho Nguyễn Văn A ra nhận. Nguyễn Văn A đồng ý. Đến tháng 9-2019, Nguyễn Văn B gọi điện bảo Nguyễn Văn A ra ngã tư S để nhận ma túy. Nguyễn Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1 - 155.81 một mình ra đến ngã tư S, gọi điện cho Nguyễn Văn B và mô tả đặc điểm nhận dạng của mình để Nguyễn Văn B nói cho người giao ma túy biết. Khoảng 10 phút sau, có một người đàn ông không

quen biết đi bộ đến hỏi A có phải người nhận hàng của B không, thì A trả lời đúng. Người đàn ông này giao cho A một túi nilon màu đen, A kiểm tra thấy trong có 01 bánh ma túy Heroine nên cất vào trong cốp xe mô tô rồi đi về nhà. Nguyễn Văn A điện thoại hỏi thì Nguyễn Văn B trả lời giá của một bánh ma túy là 200.000.000 đồng. Khoảng 04 ngày sau, Nguyễn Văn A liên lạc hẹn Teng Leng và sau đó đã giao bánh ma túy cho tại khu vực biên giới giáp ranh xã Y, huyện Z, tỉnh H cho Teng Leng, được trả 222.000.000 đồng. Nguyễn Văn A gọi điện cho Nguyễn Văn B để trả tiền thì Nguyễn Văn B bảo chuyển tiền vào tài khoản số YYYYYYYY30703 (là số tài khoản vợ B là Nguyễn Thị B1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh D). Đến tháng 10-2019, Nguyễn Văn A đến Ki ốt dịch vụ chuyển tiền và đổi tiền ở sân vận động SV, thành phố H, tỉnh H của Nguyễn Thị C để chuyển tiền số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản YYYYYYYY30703 như B yêu cầu. Lần mua bán này, Nguyễn Văn A hưởng chênh lệch 22.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 02-2020, Nguyễn Văn B gọi điện cho A và cả hai thống nhất B sẽ cho người mang ma túy Heroine đến H bán cho Nguyễn Văn A với giá 200.000.000 đồng/bánh. Sáng ngày 02-3-2020, Nguyễn Văn B gọi điện thoại cho Nguyễn Văn A được biết A đang ở thành phố H, B nói đã cho người mang 04 bánh ma túy đến H và bảo Nguyễn Văn A đi ra khu vực công chợ G gần trụ sở Công an thành phố H để nhận. Nguyễn Văn A điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1-155.81 đến điểm hẹn đợi khoảng 10 phút thì có một người đàn ông mặc áo màu vàng đi đến và giao cho Nguyễn Văn A một chiếc cặp xách màu đen nói bên trong đựng 04 bánh ma túy. Nguyễn Văn A sờ nắn biết bên trong có 04 bánh ma túy liền cất cặp xách vào cốp xe mô tô của mình rồi điều khiển xe đi theo quốc lộ 4B về nhà. Khi đến khu vực thuộc thôn B, xã K, huyện L, tỉnh H thì Nguyễn Văn A bị lực lượng chức năng kiểm tra phát A bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy và điện thoại của Nguyễn Văn A đang sử dụng (số XXXXXX0464) và một số tài sản, giấy tờ. Cùng ngày, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn A, cơ quan điều tra thu giữ 01 khẩu súng hơi nhãn hiệu MARCOOL và một số đồ vật liên quan khác.

Tại Kết luận giám định số: 103/PC09 ngày 09-3-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: 04 bánh chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn A đều là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 1.358,710gam (đã trừ bì). Trong đó, khối lượng của từng bánh là: Bánh 1: 346,880gam. Bánh 2: 342,900gam. Bánh 3: 332,330gam. Bánh 4: 336,600gam.

Tại Công văn số: 88/PC09 ngày 10-4-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H phúc đáp Công văn số: 242/PC04 ngày 04-4-2019 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H đã kết luận: Khối lượng của một bánh Heroine thường dao động trong khoảng từ 320gam đến 380gam.

Kết luận giám định số: 119/KLGD-PC09 ngày 20-3-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng hơi dùng bắn đạn chì cỡ 4,5mm bằng lực đẩy khí nén, thuộc danh mục súng săn, A tại văn

sử dụng để bán được. Công an tỉnh H căn cứ khoản 3 Điều 3 Luật số 14/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, xác định không phải vũ khí quân dụng nên Phòng PC04 Công an tỉnh H ban Hành Quyết định số: 10/QĐ-XPHC ngày 13-10-2020 xử phạt vi phạm Hành chính 3.000.000 đồng đối với Nguyễn Văn A về Hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn A thành khẩn khai báo toàn bộ Hành vi phạm tội và nhận dạng người bán ma túy 2 lần cho mình là Nguyễn Văn B. Chỉ từ khi bị bắt giữ, Nguyễn Văn B khai chưa bao giờ đến H bán hoa tam thất, không hề quen biết Nguyễn Văn A; không sử dụng số điện thoại XXXXX0643 để liên lạc bán ma túy như Nguyễn Văn A khai. Đối với số tài khoản Ngân Hàng YYYYYYYYY30703, Nguyễn Văn B xác nhận là tài khoản đứng tên vợ là Nguyễn Thị B1 đăng ký nhưng Nguyễn Văn B là người sử dụng (tự rút bằng thẻ ATM, nếu rút tiền mặt thì vợ rút đưa lại B). Ngoài ra, B khai B là người sử dụng số điện thoại của vợ đăng ký tên chính chủ (là số XXXXXX8833). Nguyễn Văn B không lý giải được khoản tiền đã được A chuyển vào tài khoản đứng tên Nguyễn Thị B1 từ dịch vụ chuyển tiền của bà Nguyễn Thị C vào ngày 29-10-2019.

Theo thông tin viên thông, số điện thoại XXXXX0643(A khai của B dùng liên lạc với A) đứng tên đăng ký là bà Ngô Thị H. Xác minh bà H cho biết bà Ngô Thị H không đăng ký và cũng chưa từng sử dụng số điện thoại này mà là số khác; bà cũng không biết ai sử dụng số thuê bao XXXXX0643. Cách đây mấy năm, khi đi làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất, bà có ra cửa Hàng phô tô Giấy chứng minh nhân dân của mình và có bỏ lại các bản chứng minh thư bị mờ lại tại cửa Hàng phô tô, nên có thể có người lợi dụng tên bà để đăng ký thuê bao số điện thoại XXXXX0643. Bà không quen biết và không có mối quan hệ gì với người có tên là Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn A (bút lục 250-151).

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà làm nghề kinh doanh đổi tiền Trung Quốc sang tiền Việt Nam và ngược lại, đồng thời cũng kinh doanh chuyển tiền khi khách yêu cầu để hưởng tiền công. Khoảng tháng 10-2019, có một người đàn ông đến Kì ốt của bà ở sân vận động SV, thành phố H, tỉnh H nhờ chuyển số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản YYYYYYYYY30703 Ngân Hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh D mang tên Nguyễn Thị B1. Khi chuyển tiền thì bà đã trừ số tiền 100.000 đồng tiền công chuyển. Bà Nguyễn Thị C không biết số tiền trên là tiền sử dụng vào mục đích gì. Ngoài lần chuyển tiền đó ra, bà còn có lần được chuyển tiền vào tài khoản YYYYYYYYY30703, cụ thể người chuyển tiền, lý do chuyển tiền ra sao do thời gian đã lâu nên bà không nhớ (bút lục 253-256).

Chị Nguyễn Thị B1 (vợ của Nguyễn Văn B) trình bày: Ngày 25-02-2019, Nguyễn Văn B đưa chị đến Ngân Hàng thương mại cổ phần Công thương Chi nhánh tỉnh D mở tài khoản số YYYYYYYYY30703 mang tên Nguyễn Thị B1, sử dụng số điện thoại XXXXXX8833 để đăng ký dịch vụ. Sau khi mở xong tài khoản, Nguyễn Thị B1 đã giao thẻ ngân Hàng cho Nguyễn Văn B quản lý và sử dụng và

khi Nguyễn Văn B bảo thì chị mang chứng minh nhân dân ra ngân Hàng để rút, lần rút tiền nhiều nhất là 800.000.000 đồng, và lần ít nhất là 120.000.000 đồng chị đều đưa cho Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B sử dụng vào việc gì thì chị không biết; khi cần rút tiền thì Nguyễn Văn B tự sử dụng thẻ để rút tại cây ATM. Toàn bộ số tiền có trong tài khoản YYYYYYYY30703 đều do Nguyễn Văn B kiểm được và Nguyễn Thị B1 không biết Nguyễn Văn B làm công việc gì. Chị Nguyễn Thị B1 khai Nguyễn Văn B sử dụng số điện thoại XXXXX8833 (chị B1 đăng ký chính chủ) và nhiều số điện thoại khác; còn chị B1 trước đây sử dụng số điện thoại XXXXX1207 để thường xuyên liên lạc với Nguyễn Văn B qua số XXXXX0643 và XXXXX8833 (bút lục 257-262).

Cáo trạng số: 117/CT/VKS-P2 ngày 20-11-2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H truy tố Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B đều với mức án Tử hình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 09-3-2021, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn A;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi Hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn A số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách NH nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B tử hình. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi Hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

...3.2. Truy thu của Nguyễn Văn B 199.900.000 đồng để sung vào ngân sách NH nước. ...

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp đối với Nguyễn Văn A; quyết định về xử lý vật chứng đã thu giữ trong vụ án.

Ngày 15-3-2020, Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14-3-2020, Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo cho rằng không quen biết Nguyễn Văn A, không thực A Hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Cả bị cáo Nguyễn Văn A và bị cáo Nguyễn Văn B đều thừa nhận không có mâu thuẫn với nhau. Sau khi bị bắt quả tang với 04 bánh Heroine, bị cáo A đã tự khai báo với Cơ quan điều tra về Hành vi mua bán trái phép 01 bánh Heroine trước đó cùng với B. Nguyễn Văn B không thừa nhận sử dụng số điện thoại XXXXX0643 và tiền do A chuyển vào tài khoản, là tiền bán ma túy. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra, vợ A là Nguyễn Thị B1 khai A là người sử dụng số tài khoản đứng tên chị tại Ngân Hàng; A có sử dụng các số điện thoại XXXXX8833 và XXXX0643, chị có sử dụng số điện thoại XXXXX1207. Tại phiên tòa sơ thẩm và trong đơn trình bày sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Thị B1 lại cho rằng A không sử dụng số điện thoại XXXX0643, nhưng cũng thừa nhận quá trình làm việc với Cơ quan điều tra chị không bị ép cung, mớm cung. Chi tiết dữ liệu thuê bao XXXXX1207 do Nguyễn Thị B1 sử dụng thể A từ ngày 01/9/2019 đến ngày 03/3/2020 thuê bao XXXXX1207 đã thực A 60 cuộc gọi đến số máy XXXXX0643 và nhận 20 cuộc gọi đến từ số máy XXXXX0643, chi tiết các cuộc gọi đi, đến từ số thuê bao chị B1 sử dụng hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị B1 trong quá trình điều tra về bị cáo B sử dụng số điện thoại XXXX0643. A cũng đã được cơ quan điều tra cho nhận dạng (qua ảnh) đúng Nguyễn Văn B và tại phiên tòa phúc thẩm khẳng định đúng B. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai bà H (tên người đăng ký thuê bao số điện thoại XXXX0643), bà Nguyễn Thị C (người làm dịch vụ chuyển tiền) về các nội dung có liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định giọng nói của B với tiếng trong băng ghi âm thu được từ cuộc gọi hồi 19h 30 phút ngày 05-3-2020 từ số điện thoại XXXX0643 vào số điện thoại XXXXXX0464, nhưng không đủ cơ sở để giám định do lượng âm thanh ít. Tuy nhiên, các chứng cứ khác đã thu thập đã đủ cơ sở kết luận Nguyễn Văn B có quen biết Nguyễn Văn A và đã 02 lần bán 05 bánh Heroine có trọng lượng 1678,710g cho Nguyễn Văn A. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kêu oan của Tổng Văn B cũng như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc hủy án sơ thẩm để điều tra lại. Đối với Nguyễn Văn A, đề nghị của Luật sư bào chữa cho Nguyễn Văn A áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, với khối lượng ma túy các bị cáo

mua bán 1.678,710 gam Heroine là rất lớn, nên mức hình phạt Tử hình là phù hợp nên không có cơ sở để giảm hình phạt xuống Chung thân như đề nghị của bị cáo cũng như luật sư bào chữa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Văn A khai nhận Hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, xác nhận đúng Nguyễn Văn B là người đã 2 lần bán ma túy cho Nguyễn Văn A.

Luật sư bào chữa cho Nguyễn Văn A đề nghị xem xét việc Nguyễn Văn A tại phiên tòa phúc thẩm đã tiếp tục thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “ *Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát A tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nguyễn Văn A trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là người dân tộc thiểu số. Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt xuống Chung thân.

Nguyễn Văn B không thừa nhận đã bán ma túy cho A như bản án sơ thẩm nêu, đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo.

Luật sư Đặng Văn Cường trình bày bản bào chữa cho Nguyễn Văn B với nội dung: Với các chứng cứ đã thu thập được thì việc quy kết Nguyễn Văn B đã 2 lần bán ma túy cho Nguyễn Văn A là chưa đủ cơ sở. Cơ quan tố tụng chỉ dựa vào lời khai của Nguyễn Văn A (trong khi lời khai có nhiều điểm không nhất quán, không tiến Hành cho đối chất); việc A nhận dạng B chỉ qua ảnh, tại phiên tòa sơ thẩm A không thừa nhận B là người bán ma túy cho mình; việc quy kết B đã bán 1 bánh ma túy cho A cũng chỉ dựa vào sao kê tài khoản do bà C chuyển nhưng thời điểm chuyển tiền với lời khai của A còn nhiều mâu thuẫn; chưa lấy lời khai của bà H là chủ thuê bao số điện thoại mà A khai B dùng để liên lạc và cần thiết giám định giọng nói. Do có nhiều vi phạm tố tụng cũng như chưa đủ chứng cứ chứng minh Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn B, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] **1.** Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Văn A khai nhận đã hai lần mua ma túy của Nguyễn Văn B tổng số 5 bánh ma túy, như bản án sơ thẩm đã nêu là đúng.

[2] - Chỉ từ khi Nguyễn Văn A bị bắt quả tang vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 02/3/2020 (với 4 bánh ma túy đang trên đường vận chuyển từ nơi nhận về tỉnh H) và trong suốt quá trình điều tra (tại các Bản tự khai, bản khai, có bản khai có mặt luật sư bào chữa cho bị cáo), Nguyễn Văn A đã khai nguồn ma túy là của người

bán tên B (sau này nhận dạng đúng Nguyễn Văn B) cho A số điện thoại XXXXX0643 để liên hệ. Nguyễn Văn A khai do B có đến nhà A nên mới quen và đã cho nhau số điện thoại liên hệ mua bán ma túy. Lời khai của B, của chị Nguyễn Thị B1 (vợ B) xác nhận vợ chồng sử dụng các số điện thoại XXXXXX8833, XXXXX1207, XXXXX0643 để liên lạc với nhau; đối chiếu bản sao dữ liệu điện thoại cơ quan viễn thông cung cấp các cuộc gọi đi, đến từ các số này và số XXXXXX0464, cơ quan điều tra đã kết luận A và B có quen biết nhau và B đã sử dụng điện thoại XXXXXX0464 để liên hệ mua bán ma túy với Nguyễn Văn A, là đủ căn cứ vững chắc.

[3] Tuy ban đầu A không khai Chi về lần mua 1 bánh ma túy của B trước đó, nhưng sau đó A đã khai vào khoảng tháng 9/2019, đã trả tiền cho B qua số tài khoản ngân hàng do B đưa, thông qua dịch vụ chuyển tiền của bà Nguyễn Thị C. Bà Nguyễn Thị C trình bày chuyển tiền đến số tài khoản là theo yêu cầu của khách hàng. Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh tỉnh D cung cấp sao kê giao dịch của số tài khoản đứng tên Nguyễn Thị B1. Nguyễn Văn B và vợ là Nguyễn Thị B1 đều xác nhận B là người sử dụng số tài khoản số YYYYYYYY30703 tại Ngân hàng TMCPCT Việt Nam chi nhánh D và sử dụng số điện thoại XXXXXX8833, nhưng không lý giải được khoản tiền lớn 199.900.000 đồng đã nhận từ tài khoản của bà C.

[4] Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được, cơ quan điều tra đã kết luận khoảng tháng 9-2019, Nguyễn Văn B đã bán cho Nguyễn Văn A 01 bánh Heroine, đã nhận tiền do A trả qua tài khoản mang tên Nguyễn Thị B1; lần thứ 2 vào ngày 02-3-2020 thông qua đối tượng trung gian đã giao cho Văn A 04 bánh ma túy Heroine, khi A vận chuyển đến khu vực thôn B, xã K, huyện L, tỉnh H thì bị phát A bắt quả tang, kết luận giám định 4 bánh có tổng khối lượng 1.358,710gam Heroine. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cáo trạng do Viện kiểm sát truy tố, đã xét xử Nguyễn Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với tổng khối lượng là 1.678,710 gam Heroine, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[5] - Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo kêu oan của Nguyễn Văn B và đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và tính chất nghiêm trọng của vụ án, do khối lượng ma túy bị cáo đã bán cho Nguyễn Văn A là rất lớn, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Tử hình là đúng quy định tại Điều 50 Bộ luật hình sự về quyết định hình phạt.

[7] **2. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Văn A:**

[8] Về nhân thân bị cáo trước khi phạm tội chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn A đã thành khẩn khai

báo toàn bộ Hành vi phạm tội của bản thân và đồng phạm, tỏ ra ăn năn hối cải; sau khi bị bắt, Nguyễn Văn A đã tự thú đối với Hành vi mua bán 01 bánh ma túy vào tháng 8-2019. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r “*Người phạm tội tự thú*” và điểm s “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại khoản 1 Điều 51 cho Nguyễn Văn A, nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát A tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*”. Do vậy, không có cơ sở áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của luật sư bào chữa cho Nguyễn Văn A tại phiên tòa phúc thẩm.

[9] Bị cáo có tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Xét số lượng ma túy bị cáo mua bán tổng 1.678,710 gam Heroine là rất lớn, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, nên hình phạt Tử hình là phù hợp. Bị cáo phạm tội do háo lợi và có tài sản để thi Hành án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự phạt bổ sung 15.000.000 đồng.

[11] Bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ đặc biệt gì mới nên cấp phúc thẩm không cơ sở chấp nhận. [12] **3.** Các bị cáo có quyền làm đơn xin Chỉ tịch nước ân giảm án tử hình trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[13] **4.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[14] **5.** Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 343, khoản 2 Điều 344, Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 10/2021/HS-ST ngày 09-3-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh H:

- Căn cứ vào điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40, Điều 17, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn A Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn A số tiền 15.000.000 đồng để sung vào ngân sách NH nước. Truy thu của Nguyễn Văn B số tiền 199.900.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 40, Điều 17, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn B Tử hình về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2021), Nguyễn Văn A và Nguyễn Văn B có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án Tử hình.

2. Các Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm và 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 10/9/2021.

Nơi nhận:

- Vụ 1, TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Công an tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Phan Thị Vân Hương